TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2025/DS-ST.
Ngày 07- 10 – 2025.
V/v "tranh chấp hợp đồng dân sự về cầm cố tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Anh Thư.

Bà Trần Thị Thúy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hoàng Thiên Kim - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về cầm cố tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty C (tên gọi cũ: Công ty VN); địa chỉ: 128 N. D, phường V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh T, sinh năm 1991; chức vụ: Nhân viên; địa chỉ: khu phố H, phường Đ, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy ủy quyền số 1991/2025/UQ-SVN ngày 01/5/2025) – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thúy H, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố S, phường A, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người được ủy quyền của nguyên đơn: Công ty C (tên gọi cũ: Công ty VN) là anh Lê Thanh T trình bày:

Công ty C (tên gọi cũ: Công ty VN) (sau đây gọi chung là Công ty S) được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/3/2024. Công ty S có các tên ngành đăng ký theo "Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp" số 5942/24 ngày 22/3/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh

- Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An. Theo đó, thông tin của doanh nghiệp (Công ty S) được cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gồm ngành nghề kinh doanh, mã ngành và kinh doanh đúng các ngành nghề đã đăng ký; trong đó có ngành chính là "Dịch vụ cầm đồ" theo mã ngành 6492.

Ngày 30/10/2020, chị Võ Thúy H và Công ty VN – Chi nhánh Tây Ninh 2 (nay là Công ty C) có ký kết Hợp đồng cầm cố số TIM201001005NA19X và chị H đã nhận số tiền 17.800.000 đồng. Theo nội dung hợp đồng thỏa thuận thời hạn cầm cố là 12 tháng, từ ngày 30/10/2020 đến ngày 30/10/2021, lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng và phí thẩm định tài sản 4% một tháng theo dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số TIM201001005NA19X ký ngày 30/10/2020, chị H đã thế chấp tài sản đảm bảo bằng một chiếc xe gắn máy có nhãn hiệu HONDA FUTURE FI mang biển số 70L1-758.15 màu ĐỎ ĐEN với số khung là 7629KY026372 và số máy là JC76E1087069. Tài sản trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục đăng ký Quốc Gia với số hợp đồng là 1388759329. Khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, do có nhu cầu về phương tiện đi lại hằng ngày nên chị H và Công ty S đã ký kết "Giấy mượn xe" với nội dung Công ty S cho chị H mượn lại chiếc xe cầm cố trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày 30/10/2020 đến hết ngày 30/11/2020 sẽ trả lại xe đã mượn cho Công ty. Địa điểm trả xe tại chi nhánh Công ty, địa chỉ số 80 Quốc lộ 22, khu phố G, phường TB, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố G, phường TB, tỉnh Tây Ninh), chị H có cam kết rõ trong giấy mượn xe: "*Hoàn trả lại tài sản đã mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận*".

Từ thời điểm ký hợp đồng cầm cố tài sản và nhận tiền, chị H đã thanh toán cho Công ty S tổng số tiền là 10.155.000 đồng, trong đó gồm có 6.160.957 đồng tiền nợ gốc; 850.257 đồng tiền lãi trong hạn, 51.940 đồng lãi chậm trả và 3.091.854 đồng phí Thẩm định tài sản 4%.

Từ ngày 31/10/2021 đến nay, chị H đã quá hạn thanh toán, mặc dù đã nhận thư thông báo và được gọi điện nhiều lần, nhưng chị H nhưng vẫn không trả lại xe cầm cố cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe.

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/11/2024, Công ty S yêu cầu chị Võ Thúy H trả trả cho Công ty S số tiền nợ gốc, lãi và phí phát sinh tạm tính đến ngày 21/11/2024 là 39.916.097 đồng, trong đó bao gồm: tiền gốc là: 11.639.043 đồng; tiền lãi cố định 1,1% trên dư nợ thực tế là 5.505.267 đồng; lãi quá hạn 0,55% trên dư nợ thực tế là 2.752.634 đồng; phí thẩm định tài sản 4% trên dư nợ thực tế là 20.019.154 đồng và tiền lãi, các chi phí phát sinh theo Hợp đồng cầm cố kể từ ngày 21/11/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 27/8/2025 và phiên họp công khai chứng cứ ngày 04/9/2025, Công ty S thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Công ty C rút lại yêu cầu đối với phí thẩm định tài sản và tiền lãi trong hạn, cụ thể: Công ty S chỉ yêu cầu chị H trả cho Công ty số tiền nợ gốc còn lại là 11.639.043 đồng và tiền lãi phát sinh gồm: lãi trong hạn 1,1%/tháng tính từ ngày 30/4/2021 đến ngày 30/10/2021 là 896.206 đồng; lãi quá hạn theo mức 0,55%/tháng tính từ ngày 31/10/2021 đến ngày 04/9/2025 là 2.974.551 đồng. Tổng cộng là 15.509.800 đồng.

Chị H vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi hoàn toàn trả hết nợ.

Trường hợp chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Công ty C được yêu cầu cơ quan thi án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo cụ thể là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA FUTURE FI mang biển số 70L1-758.15 màu ĐỎ ĐEN với số khung là 7629KY026372 và số máy là JC76E1087069 để thu hồi khoản nợ cho công ty. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho công ty.

* Bị đơn – chị Võ Thúy H đã được Toà án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 309, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty C đối với bị đơn - bà Võ Thúy H về "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*".

- Buộc bà Võ Thúy H có trách nhiệm trả cho Công ty C số tiền số tiền cầm cố xe là 11.639043 đồng, và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Án phí được tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký kết nên đây là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về cầm cố tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 309 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố S, phường A, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng

mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 30/10/2020, giữa chị Võ Thúy H và Công ty C (tên gọi cũ: Công ty VN) ký kết Phiếu đăng ký kiêm Hợp đồng cầm cố tài sản số TIM201001005NA19X. Tài sản cầm cố là xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE FI mang biển số 70L1-758.15 màu ĐỎ ĐEN với số khung là 7629KY026372 và số máy là JC76E1087069, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 053488 do Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12/12/2019 đứng tên chị H, Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục đăng ký Quốc Gia với số hợp đồng là 1388759329 để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền cầm cố 17.800.000 đồng của chị H.

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố: Công ty S cho chị Võ Thúy H vay tiền có cầm cố tài sản là 01 xe mô tô thuộc quyền sở hữu của chị Võ Thúy H để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tài sản cầm cố đã được đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng trên hệ thống đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các điều khoản thỏa thuận về lãi trong hợp đồng đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng cầm cố được ký kết đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Sau khi ký kết hợp đồng cầm cố, hai bên tiến hành lập "Giấy mượn xe" với nội dung Công ty S cho chị H mượn lại xe mô tô đã cầm cố; thỏa thuận này đã thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố theo quy định tại khoản 3 Điều 314 Bộ luật Dân sự 2015. Như vậy, hợp đồng cầm cố đang tranh chấp giữa các đương sự là hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm ký kết ngày 30/10/2020.

[2.2] Xét quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và việc giao nhận tiền: ngày 30/10/2020, Công ty có giải ngân cho chị H số tiền 17.800.000 đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố đến ngày 30/3/2021 chị H đã thanh toán cho Công ty S được số tiền 10.155.000 đồng, trong đó gồm có 6.160.957 đồng tiền nợ gốc; 850.257 đồng tiền lãi trong hạn, 51.940 đồng lãi chậm trả và 3.091.854 đồng phí Thẩm định tài sản. Kể từ ngày 31/3/2021 đến nay, chị H đã không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn lại và cũng không trả lại xe máy cầm cố cho Công ty S như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ, nên việc Công ty S khởi kiện yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn lại là 11.639.043 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Xét yêu cầu về tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của nguyên đơn thấy rằng: Căn cứ Hợp đồng cầm cố ngày 30/10/2020, lãi suất hai bên thoả thuận trong hạn cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn theo mức lãi suất 0,55%/tháng là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tạm tính đến ngày 07/10/2025: lãi trong hạn 1,1%/tháng tính từ ngày 30/4/2021 đến

ngày 30/10/2021 là 896.206 đồng; lãi quá hạn theo mức 0,55%/tháng tính từ ngày 31/10/2021 đến ngày 07/10/2025 là 47 tháng 07 ngày tương đương 3.023.628 đồng.

[2.4] Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ và đã thông báo cho chị H cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn. Tuy nhiên, chị H vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ Điều 72, Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì chị H đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Võ Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty C số tiền 15.558.877 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 11.639.043 đồng, lãi trong hạn là 896.206 đồng, lãi quá hạn là 3.023.628 đồng) và buộc chị H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố ngày 30/10/2020 kể từ ngày 08/10/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Tài sản được dùng để bảo đảm việc vay tiền được đăng ký trên hệ thống trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia Giao dịch bảo đảm đúng quy định, do đó trường hợp chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty C được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô có biển số: 70L1-758.15 để thu hồi nợ cho Công ty.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 053488 do Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/12/2019 mang tên Võ Thúy H, hiện tại Công ty S đang giữ; trường hợp chị H trả hết nợ thì Công ty S phải trả lại cho chị H bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên.

[5] Việc Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho chị H, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu phí thẩm định tài sản của Công ty.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định, cụ thể:

Công ty C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Võ Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Công ty C, cụ thể án phí được tính như sau: 15.558.877 đồng x 5% = 777.943 (Bảy trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi ba) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 72, 91, 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 117, 280, 309, 310 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C (tên gọi cũ: Công ty VN) đối với chị Võ Thúy H.

Buộc chị Võ Thúy H có nghĩa vụ trả cho Công ty C số tiền 15.558.877 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 11.639.043 đồng, lãi trong hạn là 896.206 đồng, lãi quá hạn là 3.023.628 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị Võ Thúy H còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn nợ theo lãi suất thoả thuận trong Phiếu đăng ký kiêm Hợp đồng cầm cố tài sản số TIM210401002NA18X được ký giữa các bên ngày 30/10/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp chị Võ Thúy H trả hết nợ thì Công ty C phải trả lại cho chị Võ Thúy H bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 053488 do Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/12/2019.

Trường hợp chị Võ Thúy H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty C được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm cụ thể là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA FUTURE FI mang biển số 70L1-758.15 màu ĐỎ ĐEN, số khung 7629KY026372, số máy JC76E1087069 để thu hồi nợ cho Công ty C. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết nợ thì chị Võ Thúy H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty C.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với yêu cầu chị H thanh toán phí thẩm định tài sản.

3. Về án phí: Chị Võ Thúy H phải chịu 777.943 (Bảy trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 998.000 (Chín trăm chín mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012342 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã kí và đóng dấu)

Phạm Thị Yến